

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST

Ngày: 27/01/2021

*Về việc tranh chấp hợp đồng
cho thuê tài chính*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân

1/ Ông Tô Văn Nhung;

2/ Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2020/TLST-KDTM ngày 19 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cho thuê tài chính TNHH M; trụ sở: Tầng 28 Cao ốc S, Số 37, đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hải Ph, địa chỉ: Tầng 28 Cao ốc S, Số 37, đường Tôn Đức Th, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/8/2020). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH thép N; trụ sở: Số 595 quốc lộ 1K, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Minh H, sinh năm 1978; thường trú: 284/7/23 đường L, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 13 tháng 8 năm 2020, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 13/11/2020, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Hải Ph trình bày:

Ngày 20/3/2018, Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Q (sau đây gọi tắt là Công ty Ch) và Công ty TNHH thép N (sau đây gọi tắt là Công ty N) có thỏa thuận ký kết hợp đồng cho thuê tài chính số C180312202 (kèm theo phụ lục số 01/ANNEX NO.01), theo đó các tài sản mà Công ty N thuê bao gồm: 02 (hai) máy cán tôn 01 tầng; 01 (một) máy cán tôn 02 tầng; 02 (hai) máy cán xà gồ; 02 (hai) cổng trục; 01 (một) máy chấn; 01 (một) máy dập vòm; Tổng giá trị của Tài sản thuê: 2.946.401.518.000 đồng. Trong đó, Công ty N trả trước 1.178.560.607 đồng, Công ty Ch tài trợ vốn 1.767.840.911 đồng. Lãi suất cho thuê là lãi suất thả nổi được tính theo lãi suất tiêu chuẩn Việt Nam đồng của Công ty Ch cộng với biên độ là 1.76%/năm, lãi suất tạm tính theo thông báo bắt đầu thuê là 9.00%/năm, thanh toán nợ gốc và tiền lãi hàng tháng; thời hạn thuê 36 tháng tính từ ngày 29/3/2018. Thực hiện theo thỏa thuận, Công ty Ch đã giao toàn bộ những tài sản trên cho Công ty N sử dụng. Ngoài ra, để đảm bảo cho số tiền thuê nêu trên thì vào ngày 20/3/2018, ông Phan Minh H là người đại diện theo pháp luật của Công ty N đã ký thư bảo lãnh cá nhân đồng ý thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty N đối với Công ty Ch một cách vô điều kiện và không hủy ngang trong trường hợp Công ty N không thể thực hiện được bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào theo Hợp đồng thuê vì bất kỳ lý do gì thì ông H đồng ý thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty N đối với Công ty Chailease.

Quá trình thực hiện hợp đồng cho đến ngày 27/4/2020 Công ty N đã thanh toán được 22 kỳ với tổng số tiền 1.285.401.74 đồng, trong đó 1.080.347.224 đồng tiền gốc, 205.053.850 đồng tiền lãi thuê. Từ ngày 28/4/2020 đến nay Công ty N không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền gốc và lãi nào. Vì vậy, ngày 28/4/2020, Công ty Ch đã phát hành thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, yêu cầu Công ty N thanh toán số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 28/4/2020 là 804.957.457 đồng.

Sau đó, đại diện Công ty Ch nhiều lần liên hệ với Công ty N để yêu cầu thanh toán các khoản nợ, tuy nhiên Công ty N không còn hoạt động tại địa chỉ 595 quốc lộ 1K, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương và tất cả các tài sản của Công ty N thuê đều đã bị di dời đi đâu không rõ, mặt bằng Công ty N thuê giờ đã có người khác thuê. Công ty N không hề có bất kỳ thông báo nào cho Công ty Ch.

Do Công ty N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty Ch khởi kiện yêu cầu Công ty N phải thanh toán số tiền thuê còn nợ là 852.404.982 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc 687.493.687 đồng, nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê (28/4/2020) là 40.857.331 đồng, nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 29/4/2019 đến ngày 27/01/2021 là 47.447.525 đồng và giá trị còn lại của tài sản là 76.606.439 đồng.

Công ty N còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 28/01/2021 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trong trường hợp Công ty N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Công ty Ch, đề nghị Tòa án buộc ông Phan Minh H có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty N toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả theo nội dung thư bảo lãnh cá nhân ngày 20/3/2018.

Về chi phí đăng thông báo tại Báo pháp luật Việt Nam và Đài tiếng nói Việt Nam cơ quan thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh Công ty Ch tự nguyện chịu.

Đối với bị đơn Công ty TNHH thép N:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ bằng hình thức niêm yết thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu Công ty N có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của Công ty Ch nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty N không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 24/12/2020 nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty N vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của Công ty Ch.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Minh Hiên:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã đến địa chỉ 284/7/23 đường L, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh để giao thông báo thụ lý vụ án cho ông Phan Minh H. Tuy nhiên, ông H không còn sinh sống tại địa chỉ này (theo biên bản xác minh ngày 23/10/2020). Tòa án đã tiến hành việc thông báo cho đương sự vắng mặt trên phương tiện thông tin đại chúng tại: Đài tiếng nói Việt Nam, Báo pháp luật Việt Nam và Ban biên tập cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo đó, Tòa án và yêu cầu ông Phan Minh H có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của Công ty Ch nhưng ông Phan Minh H không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 24/12/2020 nhưng ông H vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của Công ty Ch.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã có lời khai và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn Công ty N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Minh H đã được Tòa án tổng đạt và thông báo hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Qua kiểm sát hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, căn cứ vào các Điều 269, 270 và Điều 271 Luật Thương mại năm 2005; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng Việt Nam năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), thì việc ký kết hợp đồng cho thuê tài chính giữa Công ty Ch và Công ty N là đúng pháp luật. Công ty N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên Công ty Ch khởi kiện yêu cầu trả nợ là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán toàn bộ nợ gốc và nợ lãi phát sinh. Ngoài ra, nếu trường hợp

Công ty N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì ông Phan Minh H phải có trách nhiệm trả khoản nợ nêu trên cho Công ty Ch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã có lời khai và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn Công ty N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Minh H đã được Tòa án tổng đạt và thông báo hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đại diện hợp pháp của nguyên đơn, đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Xét hợp đồng cho thuê tài chính số C180312202 (kèm theo phụ lục số 01/ANNEX NO.01) ngày 20/3/2018 được giao kết giữa Công ty Ch và Công ty N đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty N chỉ thanh toán cho Công ty Ch được 22 kỳ với tổng số tiền là 1.285.401.74 đồng, trong đó 1.080.347.224 đồng tiền gốc, 205.053.850 đồng tiền lãi thuê. Kể từ ngày 29/4/2020 đến thời điểm Công ty Ch khởi kiện, Công ty N không thanh toán tiếp số tiền nợ đến hạn, như vậy Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận. Quá trình tố tụng Công ty N không đến tòa làm việc cũng không gửi cho Tòa án ý kiến của mình nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án. Vì vậy, Công ty Ch khởi kiện yêu cầu Công ty N phải trả số tiền thuê còn nợ là 852.404.982 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc 687.493.687 đồng, nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê (28/4/2020) 40.857.331 đồng, nợ lãi chậm thanh toán (từ ngày 29/4/2019 đến ngày 27/01/2021) 47.447.525 đồng và giá trị còn lại của tài sản 76.606.439 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về nợ lãi: Xét thấy, tiền lãi cho thuê tài sản theo thỏa thuận của các đương sự theo hợp đồng cho thuê tài chính là phù hợp với Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ, Quy chế cho vay và quyết định số 546/2002/QĐNHNN, ngày 30/5/2002, của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thực hiện cơ chế lãi suất thỏa thuận trong hoạt động tín dụng thương mại nên hợp đồng cho thuê tài chính số chính số C180312202 (kèm theo phụ lục số 01/ANNEX NO.01) ngày 20/3/2018 là hợp pháp. Theo đó bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 28/01/2020 cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính số mà các bên đã ký kết là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về giá trị còn lại của tài sản: Hiện các tài sản mà Công ty N thuê của Công ty Ch không còn tại địa chỉ 595 quốc lộ 1K, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, các tài sản này đã di dời đi đâu không rõ (Có biên bản xác minh). Vì vậy, Công ty Ch yêu cầu Công ty N phải thanh toán số tiền 76.606.439 đồng (giá trị còn lại của tài sản) theo thỏa thuận tại phần 3 phụ lục số 01 của hợp đồng C180312202 ngày 20/3/2020 là có cơ sở chấp nhận.

[5] Căn cứ vào thư bảo lãnh cá nhân ngày 20/3/2018 thì ông Phan Minh H có trách nhiệm trả nợ cho Công ty Ch khi Công ty N không trả được nợ.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án.

[7] Về chi phí đăng thông báo: Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Q tự nguyện chịu số tiền 1.650.000 (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng được khấu trừ hết vào số tiền Công ty đã thanh toán.

[8] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH thép N phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 19, 27 và 28 Nghị Định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính;

Căn cứ Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ "Quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/05/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính;

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Q đối với bị đơn Công ty TNHH thép N về việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính.

Buộc Công ty TNHH thép N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Q số tiền còn nợ 852.404.982 (tám trăm năm mươi hai triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn chín trăm tám mươi hai) đồng phát sinh từ Hợp đồng cho thuê tài chính số C180312202 ngày 20/3/2018 (kèm theo phụ lục số 01/ANNEX NO.01).

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 28/01/2021 cho đến khi Công ty TNHH thép N trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính số C180312202 ngày 20/3/2018 (kèm theo phụ lục số 01/ANNEX NO.01).

2. Trường hợp Công ty TNHH thép N không thanh toán khoản nợ nêu trên thì Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Q có quyền yêu cầu ông Phan Minh H có trách nhiệm trả khoản nợ nêu trên của Công ty TNHH thép N cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Q theo thỏa thuận tại thư bảo lãnh cá nhân ngày 20/3/2018.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH thép N phải chịu 37.572.149 (ba mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn một trăm bốn mươi chín) đồng. Hoàn trả cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Q 18.291.000 (mười tám triệu hai trăm chín mươi một nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0048711 ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Lưu: VT, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thắm